

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 519/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2022

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Minh Tuấn.

2/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2022/QĐHPT-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 24/5B Thoại Ngọc Hầu, phường M, thành phố L, tỉnh A.

*Bị đơn:* Ông Trần Trọng V, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 601/4A Cách Mạng Tháng Tám, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2022 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Trần Trọng V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố, tỉnh A cấp ngày 19/02/2016.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống. Ông V không có trách nhiệm với gia đình, thỉnh thoảng đi chơi không về nhà. Vợ chồng nhiều lần góp ý

nhưng ông V không thay đổi, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để ổn định cuộc sống bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc HA, sinh ngày 05/5/2016 và Trần Ngọc Hà A, sinh ngày 18/8/2020. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập ông V đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Do bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Toà án căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc Tyêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Trần Trọng V cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông V vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 14, do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A cấp ngày 19/02/2016, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa

bà Trương Thị Ngọc T và ông Trần Trọng V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

**[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

Xét, lời trình bày của bà T, quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống. Ông V không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên say và đi chơi không về nhà. Nhiều lần bà và gia đình khuyên nhủ nhưng ông V không thay đổi. Cả hai đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng giữa hai người không còn tình cảm, không tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Bà T yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà để bà được ổn định cuộc sống.

Xét, bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng ông không đến, việc ông không đến Tòa cho thấy ông không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà T nữa.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc HA, sinh ngày 05/5/2016 và Trần Ngọc Hà A, sinh ngày 18/8/2020. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Yêu cầu này ông V cũng không có ý kiến phản đối. Do vậy, việc giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T tự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trần Trọng V.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Ngọc HA, sinh ngày 05/5/2016 và Trần Ngọc Hà A, sinh ngày 18/8/2020 cho bà Trương Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà T chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018694 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND phường M, Tp. L, tỉnh A;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Lan**